

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ PHỔ YÊN
TỈNH THÁI NGUYÊN**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 10/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 28 – 7 - 2021

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ PHỔ YÊN, TỈNH THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Cấn

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Hồng Hải
2. Bà Nguyễn Thị Thanh

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Anh Tuấn - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa: Ông Đào Việt Yên - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 7 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 09/2021/TLST-HNGĐ, ngày 11 tháng 01 năm 2021, về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” - Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2021/QĐXX-ST ngày 06 tháng 07 năm 2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trịnh Thị H, sinh ngày 1978 (có mặt)

Nơi cư trú: Xóm KT, xã TT, thị xã PY, tỉnh TN

Bị đơn: Anh Đàm Văn D, sinh ngày 1977 (có mặt)

Nơi cư trú: Xóm KT, xã TT, thị xã PY, tỉnh TN

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và trong quá trình giải quyết vụ án, các đương sự trình bày như sau:

Nguyên đơn Chị Trịnh Thị H trình bày: Chị và anh Đàm Văn D kết hôn với nhau năm 1997, trước khi kết hôn hai bên có tìm hiểu và tự nguyện, sau đó đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại UBND xã TT, thị xã PY ngày 22/11/1997.

Về tình cảm vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân: Quá trình chung sống tình cảm vợ chồng không hòa thuận, luôn xảy ra mâu thuẫn cãi cọ nhau. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính cách vợ chồng không hòa hợp, anh D nghiện ma túy không quan tâm, chăm lo gì tới cuộc sống gia đình và nuôi dạy con cái; nhiều lần anh D ép chị phải đưa tiền để sử dụng ma túy, khi chị không đưa tiền thì đánh đập và đuổi chị H

ra khỏi nhà. Vì vậy chị đã phải bỏ về gia đình bố mẹ đẻ sinh sống và vợ chồng đã ly thân với nhau từ tháng 9 năm 2020 đến nay. Kể từ khi vợ chồng sống ly thân, vợ chồng và hai bên gia đình đã nhiều lần bàn bạc, đưa anh D đi cai nghiện ma túy để khắc phục tình trạng mâu thuẫn vợ chồng, nhưng anh Dương không thay đổi, thường xuyên chửi bới đánh đập chị, khiến cho cuộc sống vợ chồng càng trở lên trầm trọng.

Nay chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được vì vậy yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đàm Văn D.

- Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân vợ chồng hai con chung là cháu Đàm Văn H, sinh ngày 04/01/1998 (hiện đã trưởng thành) và cháu Đàm Thu H, sinh ngày 05/01/2005, hiện cháu H đang ở với mẹ là chị Trịnh Thị H; Trường hợp vợ chồng ly hôn thì chị đề nghị Tòa án giao cháu Đàm Thu H cho chị trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và yêu cầu anh Đàm Văn D phải có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng cho chị H, mức là 1.000.000đ/tháng cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị Trịnh Thị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn Anh Đàm Văn D trình bày: Việc kết hôn giữa chị Trịnh Thị H và anh Đàm Văn D là trên cơ sở tự nguyện, không bị ai lừa dối, cưỡng ép và đăng ký kết hôn theo quy định tại UBND xã TT, thị xã PY. Về tình cảm vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân: Thời gian đầu tình cảm vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc, nhưng đến năm 2014 thì bắt đầu nảy sinh mâu thuẫn, vợ chồng thường xuyên cãi cọ nhau. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do tính cách vợ chồng không hòa hợp với nhau, bất đồng với nhau trong sinh hoạt và làm ăn, nên thường xuyên xảy ra việc cãi cọ nhau, chị H đã bỏ về gia đình bố mẹ đẻ sinh sống và vợ chồng ly thân với nhau từ tháng 9 năm 2020 đến nay.

Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, nên nhất trí với yêu cầu xin ly hôn của chị Trịnh Thị H.

Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là cháu Đàm Văn H, sinh ngày 04/01/1998, hiện đã trưởng thành và đang chung sống cùng với anh D và cháu Đàm Thu H, sinh ngày 05/01/2005, hiện đang ở với chị H. Khi vợ chồng ly hôn anh đề nghị Tòa án giao cả 02 con chung cho anh chăm sóc, nuôi dưỡng và không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Trong thời kỳ hôn nhân vợ chồng có tạo lập được khối tài sản chung bao gồm nhà, đất và các đồ dùng sinh hoạt trong gia đình, tuy nhiên về tài sản chung, nợ chung vợ chồng tự thỏa thuận, anh không yêu cầu tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án: Tòa án đã nhiều lần tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp công khai tiếp cận chứng cứ và hòa giải để các đương sự về đoàn tụ với nhau hoặc thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án, tuy nhiên anh Đàm Văn D nhiều lần vắng mặt, tự ý bỏ về, không hợp tác khi tòa án tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp công khai tiếp cận chứng cứ và hòa giải. Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp công khai tiếp cận chứng cứ và hòa giải lần thứ tư (ngày 28/6/2021), anh Đàm Văn D thay đổi quan điểm và xác định: Trong quá trình chung sống vợ chồng có xảy ra việc

mâu thuẫn, cãi vã nhau và chị H đã bỏ về gia đình bố mẹ để sinh sống từ tháng 9 năm 2020 cho đến nay. Tuy nhiên về nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng không phải như chị H trình bày. Việc chị H bỏ về gia đình bố mẹ để sinh sống là do bất đồng với nhau trong việc anh bán lợn với giá rẻ; Nay anh xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn và không nhất trí với yêu cầu xin ly hôn của chị Trịnh Thị H, đề nghị Tòa án giải quyết để vợ chồng về đoàn tụ với nhau, nuôi dạy con chung. Trường hợp vợ chồng ly hôn thì anh nhất trí giao cháu Đàm Thu H, sinh ngày 05/01/2005 cho chị Trịnh Thị H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng và đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung cho chị Trịnh Thị H mức là 1.000.000đ/tháng cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi. Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử, ngày 12/7/2021 anh Đàm Văn D có đơn đề nghị - Yêu cầu Tòa án giải quyết đối với khoản tiền 80.000.000đ vợ chồng gửi ông Nguyễn Hồng L, sinh năm 1965, trú tại: Xóm ĐK, xã TT, thị xã PY năm 2017 (không phải là khoản tiền cho anh Loan vay); giải quyết đối với khoản tiền riêng của anh Đàm Văn D cho anh Nguyễn Văn L (là con anh L) vay 20.000.000đ năm 2014; giải quyết việc vợ chồng cho anh Trịnh Văn T, sinh năm 1975, trú tại: xóm XV, xã TT, thị xã PY vay 30.000.000đ để làm nhà năm 2017; giải quyết đối với khoản tiền chị H tham gia bảo hiểm nhân thọ tại công ty Prudential từ năm 2015 đến nay.

Tại phiên tòa, Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đàm Văn D, yêu cầu Tòa án giao cháu Đàm Thu H cho chị được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và yêu cầu anh D phải cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng là 1.000.000đ/tháng cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi. Tài sản chung, nợ chung chị H không yêu cầu tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Đàm Văn D: Nhất trí với yêu cầu ly hôn của chị Trịnh Thị H, đồng ý giao con chung là cháu Đàm Thu H cho chị H được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng và cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng cho chị Hào là 1.000.000đ/tháng cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi, thời điểm cấp dưỡng tính từ ngày 01 tháng 8 năm 2021; Tài sản chung, nợ chung anh D không yêu cầu tòa án giải quyết. Đối với yêu cầu liên quan đến khoản tiền vợ chồng gửi ông L, khoản tiền cho anh L vay, khoản tiền anh T vay làm nhà và khoản tiền chị H tham gia bảo hiểm, thì nay chị H xác định ông L, anh T và anh L đã trả hết và đã chi tiêu hết vào việc đi khám bệnh, lo cho cháu H học nghề, tiền tham gia bảo hiểm là khoản tiền riêng của chị H, nên anh D không yêu cầu tòa giải quyết nữa.

- Phát biểu của Kiểm sát viên:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục tố tụng theo quy định pháp luật; Xác định đúng quan hệ pháp luật và tư cách đương sự, việc thu thập chứng cứ đảm bảo cho việc giải quyết vụ án. Đối với người tham gia tố tụng: Quá trình giải quyết vụ

án cũng như tại phiên tòa Nguyên đơn, Bị đơn đã thực hiện đúng và đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Trịnh Thị H và anh Đàm Văn D kết hôn trên cơ sở tự nguyện và đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại UBND xã TT, thị xã PY, nên quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh D là hợp pháp. Xét tình cảm vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân giữa chị Trịnh Thị H và anh Đàm Văn D là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên căn cứ vào Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho Chị Trịnh Thị H được ly hôn đối với Anh Đàm Văn D.

- *Về con chung*: Chị Trịnh Thị H và anh Đàm Văn D có hai con chung, hiện nay cháu Đàm Văn H đã trưởng thành nên không xem xét giải quyết, đối với cháu Đàm Thu H, sinh ngày 05/01/2005 hiện đang ở với chị Trịnh Thị H, nguyện vọng của cháu H là muốn ở với chị H và hai vợ chồng đã thỏa thuận được với nhau về việc chăm sóc, giáo dục con chung, nên đề nghị HĐXX giao cháu cháu Đàm Thu H cho chị Trịnh Thị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi.

- *Về cấp dưỡng nuôi con chung*: Quá trình giải quyết và tại phiên tòa anh D và chị H đã thống nhất thỏa thuận: Anh Đàm Văn D có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng cho chị H mức là 1.000.000đ/tháng cho đến khi con đủ 18 tuổi. Xét sự thỏa thuận trên của các đương sự là phù hợp với quy định của pháp luật, nên đề nghị HĐXX ghi nhận sự thỏa thuận trên.

Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Đối với yêu cầu của anh Đàm Văn D liên quan đến khoản tiền gửi ông L, khoản tiền vợ chồng cho anh T vay năm 2017, khoản tiền riêng của anh D cho anh L vay và khoản tiền chị H tham gia đóng bảo hiểm tại công ty Prudential là vượt quá thời hạn đưa ra yêu cầu phản tố và tại phiên tòa anh D đã rút yêu cầu trên, không xem xét giải quyết.

Ngoài ra còn đề nghị về phần án phí và tuyên quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

- Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Theo nội dung đơn khởi kiện chị Trịnh Thị H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn đối với Anh Đàm Văn D, sinh năm 1977, nơi cư trú: Xóm KT, xã TT, thị xã PY, tỉnh TN. Căn cứ vào Điều 51, Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 1 Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự - Xác định đây là vụ án về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”

- Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Trịnh Thị H và anh Đàm Văn D kết hôn với nhau ngày 22/11/1997, việc kết hôn là tự nguyện, không bị lừa dối, cưỡng ép và đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại UBND xã TT. Căn cứ vào các điều 5, 6, 7 và Điều 8 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986, quan hệ hôn nhân giữa chị Trịnh Thị H và anh Đàm Văn D là hợp pháp và được pháp luật công nhận bảo vệ.

[2.2]. *Về tình cảm vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân*:

Điều 19 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “*Trong thời kỳ hôn nhân vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, giúp đỡ nhau và cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình; Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp, công tác, học tập, tham gia các hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và lý do chính đáng khác*”.

Xét tình trạng hôn nhân giữa chị Trịnh Thị H và anh Đàm Văn D, HĐXX thấy rằng: Thời gian đầu tình cảm vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc, nhưng kể từ năm 2005 sau khi chị H sinh con thứ hai là cháu Đàm Thu H thì vợ chồng bắt đầu nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do anh Đàm Văn D nghiện ma túy, không quan tâm gì đến cuộc sống gia đình và nuôi dạy con cái, nhiều lần anh D có hành vi đánh đập, đuổi chị Trịnh Thị H ra khỏi nhà, nên vợ chồng đã ly thân với nhau từ tháng 9 năm 2020 cho đến nay. Trong quá trình chung sống tình cảm vợ chồng nảy sinh mâu thuẫn và sống ly thân các bên đều không tìm được tiếng nói chung và phương pháp để khắc phục tình trạng mâu thuẫn vợ chồng. Xét tình trạng hôn nhân giữa chị Trịnh Thị H và anh Đàm Văn D là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên việc duy trì quan hệ hôn nhân giữa chị Trịnh Thị H và anh Đàm Văn D sẽ không mang lại hạnh phúc cho nhau. Căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, HĐXX nhận thấy yêu cầu xin ly hôn của chị Trịnh Thị H đối với anh Đàm Văn D là có căn cứ và được chấp nhận.

[2.3]. *Về con chung và cấp dưỡng nuôi con*:

- *Về con chung*: Trong thời kỳ hôn nhân, chị Trịnh Thị H và anh Đàm Văn D có 02 con chung là cháu Đàm Văn H, sinh ngày 04/01/1998 và cháu Đàm Thu H, sinh ngày 05/01/2005. Hiện cháu Đàm Văn H đã trưởng thành và có công việc riêng, nên Tòa án không xem xét giải quyết. Đối với việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Đàm Thu H, sinh ngày 05/01/2005 khi vợ chồng ly hôn, HĐXX thấy rằng: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, chị Trịnh Thị H và anh Đàm Văn D đã thỏa thuận được với nhau về việc chăm sóc, nuôi dưỡng con chung sau khi vợ chồng ly hôn - Theo đó chị H và anh D nhất trí thỏa thuận giao cháu Đàm Thu H, sinh ngày 05/01/2005 cho chị Trịnh Thị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Đàm Thu H

cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi, anh D được quyền đi lại thăm nom chăm sóc, giáo dục con chung. Xét sự thỏa thuận trên của chị Trịnh Thị H và anh Đàm Văn D là tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật và đảm bảo quyền và lợi ích cũng như nguyện vọng của cháu Đàm Thu Hiền, nên HĐXX ghi nhận sự thỏa thuận trên.

- *Về cấp dưỡng nuôi con*: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, chị Trịnh Thị H và anh Đàm Văn D đã thỏa thuận được với nhau về việc cấp dưỡng nuôi con chung – Theo đó anh Đàm Văn D có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng cho chị Hào, mức là 1.000.000đ/tháng cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi, thời điểm cấp dưỡng tính từ tháng 8 năm 2021. Xét sự thỏa thuận trên là tự nguyện và phù hợp với quy định của pháp luật, bảo đảm quyền và lợi ích của con chưa thành niên, nên HĐXX ghi nhận sự thỏa thuận trên.

Khi xét thấy cần thiết hoặc do điều kiện sống có sự thay đổi, vợ chồng có thỏa thuận khác phù hợp với quy định pháp luật và vì lợi ích của con chung, các bên có quyền làm đơn yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi mức cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

[2.4]. *Về tài sản chung, nợ chung*: Chị Trịnh Thị H và anh Đàm Văn D không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên HĐXX không xem xét.

Đối với yêu cầu của anh Đàm Văn D về việc yêu cầu Tòa án giải quyết liên quan đến khoản tiền 80.000.000đ vợ chồng gửi ông Nguyễn Hồng L, sinh năm 1965, trú tại: Xóm ĐK, xã TT, thị xã PY năm 2017; giải quyết việc vợ chồng cho anh Trịnh Văn T, sinh năm 1975, trú tại: xóm XV, xã TT, thị xã PY vay 30.000.000đ để làm nhà năm 2017; giải quyết đối với khoản tiền riêng của anh Đàm Văn D cho anh Nguyễn Văn L (là con anh L) vay 20.000.000đ năm 2014 và giải quyết đối với khoản tiền chị H tham gia bảo hiểm nhân thọ tại công ty Prudential từ năm 2015. Xét yêu cầu trên của anh Đàm Văn D, Hội đồng xét xử thấy rằng: Trong quá trình giải quyết vụ án đến phiên họp kiểm tra việc giao nộp, công khai tiếp cận chứng cứ và hòa giải lần thứ 4, chị Trịnh Thị H và anh Đàm Văn D đều không có yêu cầu Tòa án chia tài sản chung, nợ chung, anh D không có yêu cầu phản tố, yêu cầu độc lập. Sau khi Tòa án có quyết định đưa vụ án ra xét xử, ngày 12/7/2021 anh D mới có đơn yêu cầu đề nghị Tòa án giải quyết liên quan đến quyền, nghĩa vụ của người thứ ba đối với chế độ tài sản chung của vợ chồng là quá thời hạn đưa ra yêu cầu phản tố, yêu cầu độc lập quy định tại khoản 3 Điều 200 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, hơn nữa theo quy định tại Điều 7 – Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT/TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân Tối cao – Viện kiểm sát nhân dân tối cao – Bộ Tư pháp, hướng dẫn thi hành một số quy định của luật hôn nhân và gia đình, thì Tòa án không xem xét giải quyết việc chia tài sản chung của vợ chồng nên không xác định vợ, chồng có quyền, nghĩa vụ về tài sản với người thứ ba và đưa người thứ ba vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Tại phiên tòa chị H xác định tiền tham gia bảo hiểm là khoản tiền riêng của chị H, các khoản tiền gửi và cho ông L, anh L, anh T vay, họ đã trả hết và chị H đã chi tiêu hết vào việc đi chữa bệnh, nuôi cháu H học nghề và sinh hoạt gia

đình, nên không còn. Tại phiên tòa anh Đàm Văn D cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết đối với các khoản tiền trên nữa, nên HĐXX không xem xét. Trường hợp có tranh chấp và một trong các bên có yêu cầu khởi kiện thì sẽ được xem xét, giải quyết trong vụ án khác.

[3]. *Về án phí và chi phí tố tụng:*

- *Về án phí ly hôn sơ thẩm:* Yêu cầu xin ly hôn của chị Trịnh Thị H được chấp nhận, nhưng chị H phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

- *Về án phí cấp dưỡng nuôi con:* Các đương sự thỏa thuận được với nhau về mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng trước khi mở phiên tòa, nên anh Đàm Văn D phải chịu 50% mức án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch.

[4]. *Về quyền kháng cáo:* Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 271, Điều 273 và Điều 482 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 5, 6, 7 và Điều 8 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986, các Điều 51, 53, 56, 57, 58, 81, 82, 82, 84, 107, 110, 116, 117, 118 và Điều 119 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC- BTP, ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao – Viện kiểm sát nhân dân tối cao – Bộ Tư pháp, hướng dẫn một số quy định của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 5, điểm b khoản 6 - Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ban hành Nghị quyết về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ đơn yêu cầu khởi kiện của chị Trịnh Thị H về việc yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Trịnh Thị H được ly hôn với anh Đàm Văn D.

2. Về con chung: Ghi nhận sự thỏa thuận giữa chị Trịnh Thị H và anh Đàm Văn D về việc chăm sóc, nuôi dưỡng con chung khi ly hôn. Giao cho chị Trịnh Thị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Đàm Thu H, sinh ngày 05/01/2005 cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi. Anh Đàm Văn D được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ghi nhận sự thỏa thuận giữa chị Trịnh Thị H và anh Đàm Văn D về việc cấp dưỡng nuôi con chung – Theo đó anh Đàm Văn D cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng cho chị Trịnh Thị H mức là 1.000.000đ/tháng (một

triệu đồng/tháng) cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi. Thời điểm cấp dưỡng tính từ ngày 01 tháng 8 năm 2021.

Khi xét thấy cần thiết hoặc do điều kiện sống có sự thay đổi, vợ chồng có thỏa thuận khác phù hợp với quy định pháp luật và vì lợi ích của con chung, các bên có quyền làm đơn yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi mức cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

Kể từ ngày anh Đàm Văn D có nghĩa vụ cấp dưỡng (01/8/2021), chị Hào có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh Dương không thi hành nghĩa vụ cấp dưỡng thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả cho đến khi thi hành xong.

Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên, nhưng không được vượt quá mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự, nếu không thỏa thuận được thì thực hiện theo quy định khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

3. Về án phí:

- Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Trịnh Thị H phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm để sung vào ngân sách Nhà nước, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0005098 ngày 11 tháng 01 năm 2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên.

- Về án phí cấp dưỡng nuôi con: Anh Đàm Văn D phải nộp 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND thị xã Phổ Yên;
- Chi cục THADS thị xã Phổ Yên;
- Các đương sự trong vụ án;
- UBND xã TT;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Văn Cần